

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN BẮC MÊ  
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2021/HS-ST

Ngày 15 -11-2021

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC MÊ, TỈNH HÀ GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Dương Văn Công.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Phạm Thị Mận.

Ông Hà Mạnh Nô.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Hoàng Thị Hồng Tươi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Mê, tỉnh Hà Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Mê, tỉnh Hà Giang:** Ông Ngô Quang Vũ - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Mê, tỉnh Hà Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 18/2021/TLST-HS ngày 28/10/2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2021/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 11 năm 2021 đối với:

**- Bị cáo:** Lò A L; sinh năm 1993; nơi sinh: H, tỉnh Hà Giang; nơi cư trú: Thôn L, xã M, huyện B, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Mông; giới tính: Nam; tôn giáo: Đạo tin lành; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lò Xuân H, sinh năm 1958 và con bà: Thào Thị T, sinh năm 1959; có 07 anh chị em ruột, bị cáo là con thứ 04 trong gia đình; có vợ: Thào Thị S, sinh năm 1997 và có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2016, con nhỏ nhất sinh năm 2018; tiền sự, tiền án: Không; nhân thân: Không; tạm giữ ngày 26/8/2021; tạm giam ngày 01/9/2021 hiện đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện B, tỉnh Hà Giang (Có mặt).

*Người bào chữa cho bị cáo:* Bà Lục Thùy L - Trợ giúp viên pháp lý; nơi công tác: Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Hà Giang (Có mặt).

**- Nguyên đơn dân sự:** UBND xã M, huyện B; người đại diện theo ủy quyền ông Hoàng Văn T; chức vụ: Phó Chủ tịch UBND xã M (Có mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 02/6/2021 Hạt kiểm lâm rừng đặc dụng Du Già nhận được tin báo của quần chúng nhân dân phát hiện số cây gỗ nghiến đã bị khai thác trái phép tại Thôn L, xã M, huyện B, Hạt kiểm lâm rừng đặc dụng Du Già tiến hành kiểm tra, xác minh, khám nghiệm hiện trường. Ngày 06/7/2021 Hạt kiểm lâm rừng đặc dụng Du Già ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự đồng thời chuyển hồ sơ vụ án đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B để điều tra giải quyết. Quá trình

điều tra ngày 25/8/2021 Lò A L đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B đầu thú, khai báo toàn bộ hành vi khai thác trái phép lâm sản.

Trong quá trình điều tra Lò A L khai nhận khoảng tháng 11/2020 đến tháng 4/2021 đã có hành vi Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản. Do có ý định làm nhà, khoảng tháng 11/2020 (*không nhớ chính xác ngày*), một mình mang theo 01 máy cưa xăng nhãn hiệu CHAIN SAW 5900 màu sơn đỏ - đen lên khu rừng sản xuất là rừng tự nhiên cách nhà khoảng 03km cắt hạ 01 cây gỗ trai đứng còn tươi, đường kính gốc khoảng 0,6m. Sau khoảng 20 ngày tiếp tục mang máy cưa xăng đi lên khu rừng trên cắt hạ tiếp 01 cây gỗ trai còn tươi đường kính gốc khoảng 0,6m (cách vị trí cây gỗ trai thứ nhất đã cắt hạ trước đó khoảng 100m). Cả 02 cây gỗ sau khi cắt hạ, chưa xẻ để nguyên tại hiện trường.

Khoảng tháng 3/2021 (*không nhớ ngày*), một mình tiếp tục đi lên khu rừng trên dùng máy cưa xăng cắt hạ 01 cây gỗ nghiêng còn tươi đường kính gốc khoảng 1,8m cách vị trí cây gỗ trai thứ hai đã cắt hạ trước đó khoảng 10m, tiến hành xẻ một phần của thân cây được khoảng 20 cái đến 30 cái thót nghiêng (đường kính 40cm, dày 6,0cm) vận chuyển về cất giấu cạnh đường, sau đó bán cho người đàn ông tên là Đ (*không rõ họ tên đệm, địa chỉ ở đâu*) mỗi cái thót bán giá từ 70.000đ đến 80.000đ lấy tiền tiêu xài.

Khoảng tháng 4/2021 (*không nhớ chính xác ngày*) đi lên khu rừng lần trước tiếp tục cắt hạ 01 cây gỗ nghiêng đứng còn tươi đường kính gốc khoảng 1,5m cách vị trí cây nghiêng thứ nhất đã cắt hạ trước đó khoảng 01 km và tiến hành xẻ một phần thân cây được khoảng 10 cái thót nghiêng (đường kính 40cm, dày 6,0cm) vận chuyển về bán cho người tên là Đại lấy tiền tiêu xài.

Tại biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 26/8/2021, xác định vị trí 02 cây gỗ nghiêng và 02 gỗ trai do Lò A L khai thác thuộc địa phận Thôn L, xã M, huyện B, thuộc tiểu khu 129, khoảnh 15,16, lô 26 và lô 5; Đối tượng rừng: Đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên (Theo bản đồ quy hoạch 3 loại rừng năm 2018 được UBND tỉnh phê duyệt) do UBND xã M, huyện B, tỉnh Hà Giang quản lý. Đồng thời thu giữ tại hiện trường 02 (*hai*) cây gỗ nghiêng tổng khối lượng là: 54,841m<sup>3</sup> (gỗ tròn); 02 (*hai*) cây gỗ trai tổng khối lượng là 7,329m<sup>3</sup>; gỗ nghiêng và gỗ trai thuộc nhóm IIA.

Cùng ngày 26/8/2021 Lò A L đã tự nguyện giao nộp 01 máy cưa xăng nhãn hiệu CHAIN SAW 5900, màu đỏ - đen, lam của máy cưa dài 80cm, không có xích cắt.

Ngày 14/9/2021 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B ra Quyết định trưng cầu giám định số 36 gửi Viện nghiên cứu công nghiệp rừng thuộc Viện Khoa học lâm nghiệp Việt Nam, trưng cầu 04 (bốn) mẫu gỗ thu tại hiện trường ký hiệu: M1, M2, M3, M4 ký hiệu A1.

Ngày 23/9/2021 Viện nghiên cứu công nghiệp rừng kết luận số 471/CNR-VP kết luận tên và nhóm gỗ bị thiệt hại như sau:

Mẫu ký hiệu M1, M2 trong phong bì A1. Tên gỗ: Nghiến, tên khoa học: *Excentrodendron tonkinense* (A.Chev.) H.T. Chang & R.H. Miao, nhóm gỗ: II.

Mẫu ký hiệu M3, M4 trong phong bì A1. Tên gỗ: Trai lý, tên khoa học: *Garcinia fagraeoides* A.Che, nhóm gỗ: II.

Gỗ trai và gỗ nghiến đều thuộc danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp quý hiếm nhóm IIA theo quy định của nghị định số 06/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2019 của Chính phủ quy định về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và thực thi Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật rừng, thực vật hoang dã nguy cấp.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 18 ngày 08/10/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện B kết luận: 02 cây gỗ nghiến nhóm IIA khối lượng 56,182m<sup>3</sup> (*Năm mươi sáu phẩy một trăm tám mươi hai mét khối*) giá trị là 569.327.700đ (*Năm trăm sáu mươi chín triệu ba trăm hai mươi bảy nghìn bảy trăm đồng*); 02 cây gỗ trai nhóm IIA khối lượng 7,329m<sup>3</sup> (*Bảy phẩy ba trăm hai mươi chín mét khối*) giá trị là 84.283.500đ (*Tám mươi tư triệu hai trăm tám mươi ba nghìn năm trăm đồng*).

Tổng giá trị tài sản Lò A L gây thiệt hại là 653.611.200đ (*Sáu trăm năm mươi ba triệu sáu trăm mười một nghìn hai trăm đồng*).

**Tang vật thu giữ:** 02 cây gỗ nghiến nhóm IIA khối lượng còn lại tại hiện trường là 54,841m<sup>3</sup> (*Năm mươi tư phẩy tám trăm bốn mươi một mét khối*); 02 cây gỗ trai nhóm IIA khối lượng tại hiện trường 7,329m<sup>3</sup> (*Bảy phẩy ba trăm hai mươi chín mét khối*). Hiện 04 cây gỗ đã tạm giao cho UBND xã M, huyện B quản lý; 01 máy cưa xăng cầm tay nhãn hiệu CHAIN SAW 5900, màu đỏ - đen, lam của máy cưa dài 80cm, không có xích cắt, đã qua sử dụng.

**Về trách nhiệm dân sự:** Tại phiên tòa đại diện nguyên đơn dân sự yêu cầu Lò A L bồi thường số tiền 9.741.000đ là số tiền trị giá của 0,955m<sup>3</sup> gỗ nghiến đã xẻ thành thớt bán để sung vào ngân sách nhà nước, nay Lò A L chưa bồi thường.

Tại bản cáo trạng số 18/CT-VKSBM ngày 28/10/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện B truy tố bị cáo Lò A L, về tội Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản, theo điểm b khoản 3 Điều 232 của Bộ luật hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố tại phiên tòa phát biểu quan điểm luận tội, sau khi phân tích các tài liệu chứng cứ đã được thu thập trong quá trình điều tra cũng như diễn biến của phiên tòa, trên cơ sở phân tích các căn cứ quyết định hình phạt theo quy định của Bộ luật hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố bị cáo: Lò A L phạm tội Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản.

- Hình phạt: Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 232, điều 38, điều 50; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Lò A L từ 05 năm đến 07 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 26/8/2021.

- Về hình phạt bổ sung: Bị cáo hoàn cảnh khó khăn thuộc hộ cận nghèo, không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

- Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo bồi thường số tiền 9.741.000đ (*Chín triệu bảy trăm bốn mươi một nghìn đồng*) cho UBND xã Minh Ngọc để nộp sung vào ngân sách nhà nước.

- Về vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự. Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 02 cây gỗ nghiến nhóm IIA khối lượng tại hiện trường 54,841m<sup>3</sup>; 02 cây gỗ trai nhóm IIA khối lượng tại hiện trường 7,329m<sup>3</sup> và 01 máy cưa xăng nhãn hiệu CHAIN SAW 5900, màu đỏ - đen, lam của máy cưa dài 80cm, không có xích cắt, đã qua sử dụng.

- Về án phí: Áp dụng điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 điều 12, điều 14, khoản 6 điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo là người dân tộc thiểu số, thuộc hộ cận nghèo và có đơn xin miễn án phí. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét miễn án phí cho bị cáo.

*Trợ giúp viên pháp lý bào chữa bị cáo Lò A L:* Nhất trí với quan điểm Viện kiểm sát về tội danh bị cáo phạm tội Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản theo điểm b, khoản 3, Điều 232 Bộ luật hình sự là đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử, xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, sau khi sự việc bị phát hiện bị cáo nhận thức việc khai thác gỗ là vi phạm pháp luật, trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo rất ăn năn hối cải, thành khẩn về hành vi phạm tội của mình điều này hoàn toàn đáp ứng điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo sống ở vùng điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, hiểu biết pháp luật còn hạn chế, là lao động chính trong gia đình hiện nay gia đình cũng rất khó khăn, thuộc hộ cận nghèo, các con của bị cáo còn nhỏ đang phải đi học nên cần có sự chăm sóc, nuôi dưỡng, dạy dỗ của bị cáo. Trước khi phạm tội bị cáo có nhân thân tốt và đây cũng là lần đầu tiên phạm tội, sau khi xảy ra vi phạm bị cáo đã đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B đầu thú về hành vi phạm tội của mình, hoàn toàn đáp ứng được khoản 2 điều 51 Bộ luật hình sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bị cáo Lò A L phạm tội Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản; áp dụng điểm b, khoản 3, Điều 232, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Đề nghị xử phạt bị cáo Lò A L 05 (Năm) năm tù.

Về trách nhiệm dân sự: Giai đoạn điều tra cũng như tại phiên tòa nguyên đơn dân sự yêu cầu bị cáo phải bồi thường thiệt hại hoàn toàn nhất trí.

Về án phí: áp dụng điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án. Trong vụ án này bị cáo là người dân tộc thiểu số thuộc hộ cận nghèo đã có đơn xin miễn án phí. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử, xem xét miễn án phí đối với bị cáo.

Bị cáo Lò A L nhất trí với ý kiến của người bào chữa không bổ sung thêm gì và thừa nhận hành vi phạm tội của mình.

Nguyên đơn dân sự nhất trí quan điểm của Kiểm sát viên đề nghị không có tranh luận gì.

Bị cáo thực hiện lời nói sau cùng đề nghị xem xét hoàn cảnh bản thân và gia đình khó khăn xin giảm nhẹ hình phạt mức án thấp nhất.

### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện B, Kiểm sát viên. Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, Trợ giúp viên pháp lý không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về căn cứ định tội, định khung hình phạt: Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với kết quả khám nghiệm hiện trường, bản ảnh hiện trường và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đủ cơ sở kết luận: Khoảng tháng 11/2020 đến tháng 4/2021 Lò A L có hành vi khai thác trái phép 02 cây gỗ trai nhóm IIA khối lượng 7,329m<sup>3</sup> trị giá 84.283.500đ và 02 cây gỗ nghiêng nhóm IIA khối lượng 56,182m<sup>3</sup> giá trị 569.327.700đ. Tổng giá trị tài sản gây thiệt hại là 653.611.200đ (*Sáu trăm năm mươi ba triệu sáu trăm mười một nghìn hai trăm đồng*). Vị trí khai thác thuộc lô 5, khoảnh 16; lô 26, khoảnh 15, tiểu khu 129 theo bản đồ quy hoạch 3 loại rừng năm 2018 do UBND tỉnh Hà Giang phê duyệt, chức năng rừng sản xuất là rừng tự nhiên, do UBND xã M, huyện B, tỉnh Hà Giang quản lý. Như vậy, bản cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo về tội *Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản* theo điểm b khoản 3 Điều 232 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng quy định của pháp luật.

[3] Đánh giá tính chất, mức độ của hành vi phạm tội: Hành vi phạm tội bị cáo thuộc trường hợp rất nghiêm trọng, bị cáo biết rằng việc khai thác gỗ trái phép là vi phạm pháp luật, nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện việc khai thác gỗ trái phép. Trong khi toàn Đảng, toàn dân phát động phong trào trồng cây phủ xanh đất trống đồi núi trọc, chống sói mòn sạt lở. Huyện B đã có nhiều giải pháp quyết liệt tuyên truyền bảo vệ rừng, nhưng tình hình khai thác gỗ trái phép trên địa bàn huyện vẫn diễn ra rất phức tạp. Bị cáo khai thác trái phép với số lượng gỗ rất lớn, gây thiệt hại rất nghiêm trọng về tài sản của nhà nước, gây ảnh hưởng xấu đến môi trường rừng. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi khai thác gỗ không có giấy phép là trái pháp luật. Mục đích do nhu cầu làm nhà ở và bán lấy tiền tiêu xài cá nhân, đúng ra bị cáo phải xin phép cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép mới được khai thác gỗ, nhưng

không xin phép mà tự ý khai thác gỗ trái phép là vi phạm pháp luật. Nên cần xử lý bị cáo bằng chế tài Luật hình sự tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra. Do đó, cần cách ly bị cáo với xã hội một thời gian nhất định để giáo dục bị cáo nói riêng và phòng ngừa tội phạm chung.

[4] Bị cáo Lò A L đang tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện B, Hội đồng xét xử xét thấy cần tiếp tục quyết định tạm giam bị cáo để đảm bảo cho việc thi hành án theo quy định tại Điều 329 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[5] Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử sẽ cân nhắc, xem xét và áp dụng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo.

[6] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có.

[7] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại giai đoạn điều tra và tại phiên tòa thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, chưa có tiền án, tiền sự là người dân tộc thiểu số, lao động chính trong gia đình các con còn nhỏ cần sự chăm sóc của bị cáo, sau khi có hành vi vi phạm bị cáo tự giác đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B đầu thú về hành vi phạm tội của mình, là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Hội đồng xét xử, xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo thể hiện chính sách khoan hồng của nhà nước.

[8] Về trách nhiệm dân sự: UBND xã M yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 9.741.000đ trị giá của 0,955m<sup>3</sup> gỗ nghiến đã xẻ thành thớt mang đi bán cho UBND xã M để nộp sung vào ngân sách nhà nước. Hội đồng xét xử, xét thấy đại diện nguyên đơn dân sự đề nghị là phù hợp nên được chấp nhận.

[9] Trong vụ án này có đối tượng liên quan: Đối với người đàn ông tên là Đ (*không biết họ tên đệm, địa chỉ*) bị cáo Lò A L khai đã bán toàn bộ số thớt nghiến (từ 30 đến 40 cái) cho người một người đàn ông tên Đ với giá từ 70 đến 80 nghìn một cái. Cơ quan cảnh sát điều tra đã tiến hành điều tra xác minh người tên là Đ nhưng không có đủ cơ sở để xác định nhân thân lai lịch không có căn cứ để xử lý. Hội đồng xét xử không xem xét.

[10] Từ những căn cứ trên đại diện Viện Kiểm sát đề nghị là có căn cứ được chấp nhận.

[11] Tại phiên tòa Trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho bị cáo đề nghị về mức án Lò A L 05 (Năm) năm tù chưa phù hợp nên không chấp nhận, vì bị cáo khai thác số lượng gỗ rất lớn thuộc trường hợp rất nghiêm trọng; về miễn hình phạt bổ sung phạt tiền, miễn án phí đối với bị cáo có căn cứ. Hội đồng xét xử chấp nhận.

[12] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 4 Điều 232 Bộ luật hình sự thì “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000đ đến 50.000.000đ”. Tuy nhiên, theo tài liệu, chứng cứ và lời khai tại phiên tòa thì bị cáo là người dân lao động thuần túy, thu nhập không ổn định, là người dân tộc

thiếu số thuộc hộ cận nghèo không có khả năng thi hành. Vì vậy, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[13] Về xử lý vật chứng: Hội đồng xét xử căn cứ Điều 47 của Bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự xử lý như sau: Đối với 02 cây gỗ nghiến nhóm IIA khối lượng còn lại tại hiện trường là 54,841m<sup>3</sup>; 02 cây gỗ trai nhóm IIA khối lượng tại hiện trường 7,329m<sup>3</sup> và 01 máy cưa xăng nhãn hiệu CHAIN SAW 5900, màu đỏ - đen, lam của máy cưa dài 80cm, không có xích cắt. Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước là phù hợp.

[14] Về án phí: Bị cáo Lò A L hộ cận nghèo ở xã M, là người dân tộc thiểu số và có đơn đề nghị miễn nộp án phí. Hội đồng xét xử chấp nhận miễn toàn bộ tiền án phí cho bị cáo.

[15] Quyền kháng cáo: Bị cáo; nguyên đơn dân sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Tuyên bố bị cáo: Lò A L phạm tội Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản.

2. Hình phạt: Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 232; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Lò A L **06** (sáu) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt ngày 26/8/2021. Tiếp tục tạm giam bị cáo Lò A L để đảm bảo cho việc thi hành án.

3. Về hình phạt bổ sung: Không.

4. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584, Điều 585, Điều 586 và Điều 589 của Bộ luật dân sự.

Buộc bị cáo Lò A L bồi thường cho UBND xã M, huyện B, tỉnh Hà Giang số tiền 9.741.000đ (*Chín triệu bảy trăm bốn mươi một nghìn đồng*) để nộp sung vào ngân sách nhà nước.

*Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.*

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự, Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước: 02 cây gỗ nghiêng nhóm IIA khối lượng còn lại tại hiện trường là  $54,841\text{m}^3$  (Năm mươi tư phẩy tám trăm bốn mươi một mét khối); 02 cây gỗ trai nhóm IIA khối lượng tại hiện trường  $7,329\text{m}^3$  (Bảy phẩy ba trăm hai mươi chín mét khối) và 01 (một) máy cưa xăng cầm tay nhãn hiệu CHAIN SAW 5900, màu đỏ - đen, lam của máy cưa dài 80cm, không có xích cắt, đã qua sử dụng.

(Tình trạng như trong biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 01/11/2021 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B với Chi cục Thi hành án dân sự huyện B).

6. Về án phí: Áp dụng điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 điều 12, khoản 6 điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Lò A L được miễn nộp toàn bộ tiền án phí hình sự sơ thẩm và tiền án phí dân sự có giá ngạch.

7. Về quyền kháng cáo: Bị cáo; nguyên đơn dân sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND huyện + tỉnh Hà Giang;
- Cơ quan CSĐT Công an huyện B;
- Sở tư pháp Hà Giang;
- Phòng PV06 CA tỉnh Hà Giang;
- Nhà tạm giữ Công an huyện B;
- Cơ quan THAHS CA huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- Bị cáo; Trợ giúp viên pháp lý;
- Nguyên đơn dân sự UBND xã M;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**  
**(Đã ký)**

**Dương Văn Công**